



péi gēn
培根

noun · bacon

Example Sentences

zǎo cān wǒ chī le péi gēn hé jī dàn
早餐我吃了培根和鸡蛋。

I had bacon and eggs for breakfast.

chāo shì lǐ de péi gēn zhèng zài dǎ zhé
超市里的培根 正在打折。

The bacon in the supermarket is on sale.

tā xǐ huān bǎ péi gēn jiān dé cuì cuì de zài chī
他喜欢把培根煎得脆脆的再吃。

He likes to fry the bacon until crispy before eating it.

Trace each character, then write the word on your own.

培	培	培	培	培	培	培	培	培	培	培
培	培	培								

根	根	根	根	根	根	根	根	根	根	根
根	根									